TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **147**/2024/HS-ST
Ngày 30 - 7 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Anh Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Kính

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Quốc Thái - Thư ký Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Thiện Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 176/2024/TLST-HS ngày 21/6/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2024/QĐXXST-HS ngày 15/7/2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Thanh T; giới tính: Nam; sinh ngày 28/9/1985, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, chỗ ở: C N, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Chở hàng; con ông Nguyễn Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị H; có vợ và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 03/11/2023, đến ngày 06/02/2024, được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ biện pháp tạm giam sang biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Đinh Hoàng Minh T1, sinh năm 1997; địa chỉ: 5 T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: B9/15D2 Q, Ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Chị Đào Phó L, sinh năm 1991; địa chỉ: B N, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 31/10/2023, Nguyễn Văn T2 T phát hiện vợ chồng anh Đinh Hoàng Minh T1 (là người vay tiền của T) đang buôn bán quần áo tại số B L tỉnh 5, Phường E, Quận H nên đến gặp T1 để giải quyết số tiền anh T1 còn đang thiếu nợ. Do nhà anh T1 đông người, T không dám đi một mình nên gọi điện thoại nhờ Nguyễn Thanh T3 và Mai Minh T4 đến hỗ trợ T đòi tiền. Do bức xúc việc anh T1 thiếu tiền T từ đầu năm 2022 đến nay không trả, bỏ trốn mà còn đánh vợ T khi bị phát hiện giữ lại trước đó nên T tức giận, có dùng lời lẽ thô tục chửi anh T1 và dùng tay đánh vào mặt anh T1 01 cái và đánh 05 cái vào vùng ngực của anh T1 (không gây thương tích). Do sợ anh T1 tiếp tục bỏ trốn nên T yêu cầu anh T1 phải trả trước số tiền 90.000.000 đồng, còn lại trả sau. Sau đó, anh T1 cùng gia đình thoả thuận sẽ trả dần cho T mỗi tháng 10.000.000 đồng nhưng T không đồng ý.

Khoảng 18 giờ 45 phút, ngày 31/10/2023, anh Đinh Hoàng Minh T1 gọi điện thoại đến Công an P1, Quận H trình báo. Công an P1, Quận H đến hiện trường thì thấy Nguyễn Văn T2 T cùng vợ là Nguyễn Ngọc Phương A, Nguyễn Thanh T3 và Mai Minh T4 nên đưa tất cả những người có liên quan về trụ sở để điều tra làm rõ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, Nguyễn Văn T2 T khai nhận: Từ năm 2021 đến ngày 31/10/2023, T cho vay tiền dưới 02 hình thức là vay tiền góp và vay tiền đứng, số tiền cho vay dao động từ 1.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng, lãi suất vay từ 10% - 30%/tháng (tương đương 120% - 360%/năm). T trực tiếp thu tiền những người vay tiền.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã mời làm việc đối với những người vay tiền của Nguyễn Văn Thanh T, cụ thể như sau:

1. Người thứ nhất, anh Đinh Hoàng Minh T1 trình bày: Ngày 13/5/2021, anh T1 có vay của T số tiền 150.000.000 đồng, hình thức vay tiền đứng, đóng lãi 1.500.000 đồng/ngày, tương đương lãi suất 30%/tháng. Đóng lãi đến khi nào trả hết tiền gốc thì ngưng, có làm giấy mượn tiền viết tay do T giữ. Mỗi ngày, khoảng từ 18 giờ đến 19 giờ, T sẽ đến đại lý vé số của anh T1 ở Phường E, Quận H để thu tiền. Anh T1 đóng liên tiếp mỗi ngày 1.500.000 đồng cho T từ ngày 13/5/2021 đến ngày 06/7/2021 (đóng được 55 ngày, tương đương số tiền 82.500.000 đồng) thì dịch Covid-19 bùng phát nên ngưng đóng lãi. Đến ngày 01/10/2021, anh T1 bắt đầu đóng lại nhưng được giảm tiền lãi từ 1.500.000 đồng xuống còn 1.300.000 đồng/ngày, tương đương 26%/tháng. Anh T1 đóng liên tiếp mỗi ngày 1.300.000 đồng cho T đến ngày 07/01/2022 (đóng được 99 ngày tương đương số tiền 128.700.000 đồng), do làm ăn thua lỗ nên xin T ngưng không đóng lãi nữa mà chuyển sang trả góp tiền gốc (150.000.000 đồng) và lãi (30.000.000 đồng), tổng cộng 180.000.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, góp trong vòng 01 năm phải trả hết nợ (gốc, lãi). Anh T1 trả cho T được 30 ngày, tương đương 15.000.000 đồng thì không còn khả năng trả tiếp nên cắt liên lạc và lẩn trốn T. Sau khi trừ phần tiền lãi phù hợp theo quy định pháp luật thì T thu lợi bất chính từ số tiền lấy tiền lãi của anh T1 là 198.542.466 đồng.

2. Người thứ hai, chị Đào Phó L (N) trình bày: Chị L vay của T 02 lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: Đầu tháng 8/2023, L vay của T số tiền 3.000.000 đồng, hình thức vay là vay tiền đứng, đóng lãi mỗi ngày 30.000 đồng, đóng tiền lãi đến khi nào trả hết tiền

gốc thì ngưng, tương đương lãi suất 30%/tháng, L đóng tiền lãi liên tiếp mỗi ngày cho đến ngày 31/10/2023, với tổng số tiền là 2.700.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.552.055 đồng.

Lần 2: Vào giữa tháng 9/2023, L vay T số tiền 1.000.000 đồng, hình thức là vay tiền góp, đóng 40.000 đồng/ngày trong vòng 30 ngày, tương đương lãi suất 20%/tháng, L đóng cho T được 15 ngày thì L vay dồn dây tiếp 1.000.000 đồng, với hình thức trả tiền góp hàng ngày. Sau khi vay dồn dây thì L góp tiếp được 15 ngày thì không đóng nữa mà bỏ trốn, số tiền thu lợi bất chính là 275.342 đồng. T không chửi bới, đe dọa đánh đập đối với L.

Toàn bộ số tiền gốc 5.000.000 đồng, chị L chưa trả cho T.

Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Lời khai của T phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) và các tài liệu, chứng cứ thu thập được. Tổng số tiền T thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng của 02 người vay tiền nêu trên là 201.369.863 đồng.

Qua kiểm tra trong điện thoại di động của T, Công an phát hiện điện thoại T có lưu trữ các số điện thoại có liên quan đến hoạt động cho vay tiền như sau: D (không rõ lai lịch), Võ Văn H1, Nam Q10 (không rõ lai lịch), Hồng hb (không rõ lai lịch), Lưu Nhật D1, Đỗ Thị Thanh T5, Trần Mộc M, Hue L1 (không rõ lai lịch) và Mai Thị Bích Đ. Những người này, không rõ lai lịch hoặc xác minh không có mặt tại địa phương. Ngày 20/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đăng tin tìm người vay tiền của Nguyễn Văn Thanh T, nhưng đến nay chưa có người vay tiền nào đến làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, chị Nguyễn Ngọc Phương A khai nhận: Vào năm 2021, chị A có biết sự việc T cho anh T1 vay số tiền 150.000.000 đồng nhưng không rõ hình thức vay và lãi suất cụ thể như thế nào. T có nhờ chị A đến gặp anh T1 để lấy tiền nợ 2 lần, mỗi lần 1.500.000 đồng rồi về đưa lại cho T. Sau khi anh T1 bỏ trốn, T và chị A có đến nhà gặp người nhà T1, đưa giấy mượn tiền và yêu cầu người nhà trả nợ rồi ra về chứ không đe doạ, đánh đập hay uy hiếp ai cả. Đến khoảng giữa năm 2022, trên đường đi công việc khi đến cầu C thuộc Quận E, chị A nhìn thấy anh T1 đang điều khiển xe gắn máy chở vợ nên giữ lại và yêu cầu trả nợ nhưng T1 vung tay xô chị A té ngã rồi lên xe bỏ chạy. Sự việc này chị A có kể lại cho T nghe. Ngày 31/10/2023, do T1 không thừa nhận việc gặp và đánh chị A nên T kêu chị A đến gặp T1 để làm rõ thì bị Công an P1, Quận H mời về làm việc. Chị A không biết việc T cho vay, hình thức vay, lãi suất như thế nào. Do bản thân ít học nên chị A nghĩ T cho vay lãi suất theo quy định của Nhà nước.

Nguyễn Thanh T3 và Mai Minh T4 khai nhận: Ngày 31/10/2023, T4 và T3 đang đi rửa máy lạnh cho khách tại Phường A, Quận H thì Nguyễn Văn T2 T nhờ đến Phường E, Quận H để hỗ trợ T đòi nợ do con nợ của anh T bỏ trốn 02 năm nay mới phát hiện. Do T, T3 và T4 là bạn bè chơi chung nên T3 và T4 đồng ý đi cùng T để T đứng ra nói chuyện thoả thuận hình thức trả nợ chứ không nhằm mục đích đánh nhau, đe doạ hay được hưởng lợi gì cả. Nhưng đến nơi thì T dùng tay đánh anh T1 nên T3 và T4 bỏ ra ngoài đứng và không tham gia vì không muốn liên quan.

Vật chứng tạm giữ trong vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A91 màu xanh, IMEI 1: 860154041816236, IMEI 2: 860154041816228, gắn sim số: 0901755145 do Nguyễn Văn Thanh T giao nộp.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A77S màu đen, IMEI 1: 866996066461692, IMEI 2: 866996066461684, gắn sim số: 0898409352 do Nguyễn Ngọc Phương A giao nộp.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Techno Pova 5 màu xanh, IMEI 1: 357460380177001, IMEI 2: 367460380177019, gắn sim số: 0898010054 do Nguyễn Thanh T3 giao nộp.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu vàng, IMEI 1: 353776397512532, IMEI 2: 353776397664812, gắn sim số: 0777464655 do Mai Minh T4 giao nộp.

Ngày 02/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại điện thoại di động cho Nguyễn Ngọc Phương A, Nguyễn Thanh T3 và Mai Minh T4.

Tại bản Cáo trạng số 69/CT-VKS-Q8 ngày 28/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đã truy tố bị cáo về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 2 Điều 201; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng.

Áp dụng Khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị phạt bổ sung bị cáo số tiền 50.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A91 màu xanh, IMEI 1: 860154041816236, IMEI 2: 860154041816228, gắn sim số: 0901755145 tạm giữ của bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị cáo khai báo về hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận:

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 quy định mức lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng "***không được vượt quá 20%/năm***", số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm, theo quy định Pháp luật dân sự thì không được công nhận, được xác định là tiền thu lợi bất chính. Tuy nhiên, từ ngày 13/5/2021 đến ngày 31/10/2023, bị cáo Nguyễn Văn T2 T có hành vi cho vay tiền dưới 02 hình thức là vay tiền góp (trả tiền gốc và lãi hàng ngày) và vay tiền đứng (trả tiền lãi hàng ngày cho đến khi trả hết nợ gốc), với lãi suất từ 120%/năm đến 360%/năm, là cao gấp 06 - 18 lần của mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể xác định được 02 người vay tiền của T như sau:

- Người thứ nhất là anh Đinh Hoàng Minh T1:

(1) Ngày 13/5/2021, anh T1 có vay của T số tiền 150.000.000 đồng, hình thức vay tiền đứng, đóng lãi 1.500.000 đồng/ngày, đóng đến khi nào trả hết tiền gốc, tương đương lãi suất 30%/tháng. Anh T1 đóng liên tiếp mỗi ngày 1.500.000 đồng cho T từ ngày 13/5/2021 đến ngày 06/7/2021, đóng được 55 ngày thì ảnh hưởng dịch Covid 19 nên ngưng đóng lãi, số tiền lãi T1 đã đóng cho T là 82.500.000 đồng, trong đó tiền lãi cho phép theo quy định là 4.520.548 đồng, tiền lãi vượt mức quy định được xác định là tiền thu lợi bất chính là 77.979.452 đồng.

(2) Đến ngày 01/10/2021, anh T1 bắt đầu đóng lại nhưng được giảm tiền lãi từ 1.500.000 đồng xuống còn 1.300.000 đồng/ngày, tương đương 26%/tháng. Anh T1 đóng đến ngày 07/01/2022, liên tiếp 99 ngày, tương đương số tiền 128.700.000 đồng, trong đó tiền lãi phù hợp theo quy định là 8.136.986 đồng, tiền lãi vượt mức quy định được xác định là tiền thu lợi bất chính là 120.563.014 đồng.

(3) Do làm ăn thua lỗ nên anh T1 thỏa thuận với T để ngưng đóng lãi theo ngày mà chuyển sang trả góp tiền gốc (150.000.000 đồng) và lãi (30.000.000 đồng), tổng cộng 180.000.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, góp trong vòng 01 năm phải trả hết nợ (gốc, lãi), anh T1 trả cho T được 30 ngày, tương đương 15.000.000 đồng thì không còn khả năng trả tiếp nên cắt liên lạc và trốn T. Với mức lãi thỏa thuận lần này, phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính (số tiền lãi vượt quá mức quy định) trên số tiền cho anh T1 vay là 198.542.466 đồng.

- Người thứ hai chị Đào Phó L:

Lần 1: Đầu tháng 8/2023, L vay T số tiền 3.000.000 đồng, hình thức vay là vay tiền đứng, đóng lãi mỗi ngày 30.000 đồng, đóng đến khi nào trả hết tiền gốc thì ngưng, tương đương lãi suất 30%/tháng, chị L đóng tiền lãi liên tiếp mỗi ngày cho đến ngày 31/10/2023, với tổng số tiền là 2.700.000 đồng, trong đó tiền lãi phù hợp theo quy định là 147.945 đồng, tiền lãi vượt mức quy định được xác định là tiền thu lợi bất chính là 2.552.055 đồng.

Lần 2: Vào giữa tháng 9/2023, L vay T số tiền 1.000.000 đồng, hình thức là vay tiền góp, đóng 40.000 đồng/ngày trong vòng 30 ngày, tương đương lãi suất 20%/tháng,

L đóng cho T được 15 ngày thì L vay dồn dây tiếp 1.000.000 đồng, với hình thức trả tiền góp hàng ngày, sau khi vay dồn dây thì L góp tiếp được 15 ngày thì không đóng nữa mà bỏ trốn. Tổng số tiền lãi T thu của L là 300.000 đồng, trong đó tiền lãi phù hợp theo quy định là 24.658 đồng, tiền lãi vượt mức quy định được xác định là tiền thu lợi bất chính là 275.342 đồng.

Sau khi trừ phần tiền lãi phù hợp theo quy định thì T thu lợi bất chính từ số tiền lấy tiền lãi của L là 2.827.397 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng của anh T1 và chị L là 201.369.863 đồng.

Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì thỏa mãn nhu cầu bản thân, bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Do đó, phải xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi 03 con nhỏ, chưa trưởng thành, đang tuổi ăn học; do vậy Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định. Xét nhân thân và tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo đủ điều kiện để cho hưởng án treo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội nhằm thu lợi bất chính, nên cần phạt tiền bổ sung đối với bị cáo số theo quy định tại Khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Trách nhiệm dân sự:

[6.1] Đối với khoản tiền lãi 20% mà bị cáo nhận từ những người vay tương đương với số tiền 12.830.137 đồng, là khoản tiền lãi phù hợp theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, đây là số tiền lãi phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6.2] Đối với số tiền gốc cho vay: Đây là tiền bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước, nên buộc bị cáo nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc cho anh T1 vay là 150.000.000 đồng và chị L là 5.000.000 đồng, số tiền này anh T1 và chị L chưa trả cho bị cáo. Về nguyên tắc, anh T1, chị L phải trả cho bị cáo theo giao dịch dân sự. Tuy nhiên, xác định đây là tiền bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm. Bởi vậy, không buộc anh T1, chị L phải trả lại số tiền đó cho bị cáo mà phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6.3]Về tiền thu lợi bất chính: Về nguyên tắc, tiền bị cáo thu lợi từ hành vi phạm tội phải tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, đối với đặc thù của loại tội phạm này do xuất phát từ giao dịch dân sự, những người vay tiền của bị cáo đều với mục đích phục vụ sinh hoạt, phục vụ cuộc sống hàng ngày, người vay đã phải chịu lãi nặng. Bởi vậy, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người vay, cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền lãi đã thu từ mức lãi suất vượt quá quy định pháp luật. Cụ thể: Bị cáo phải trả lại cho anh T1 số tiền 198.642.466 đồng, trả lại cho chị L số tiền 2.827.397 đồng.

[7] Xử lý vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A77S màu đen, IMEI 1: 866996066461692, IMEI 2: 866996066461684, gắn sim số: 0898409352 do Nguyễn Ngọc Phương A giao nộp.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Techno Pova 5 màu xanh, IMEI 1: 357460380177001, IMEI 2: 367460380177019, gắn sim số: 0898010054 do Nguyễn Thanh T3 giao nộp.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu vàng, IMEI 1: 353776397512532, IMEI 2: 353776397664812, gắn sim số: 0777464655 do Mai Minh T4 giao nộp.

Ngày 02/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại điện thoại di động cho Nguyễn Ngọc Phương A, Nguyễn Thanh T3 và Mai Minh T4 là có căn cứ, nên không xét.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A91 màu xanh, IMEI 1: 860154041816236, IMEI 2: 860154041816228, gắn sim số: 0901755145 do Nguyễn Văn T2 T giao nộp, chiếc điện thoại này bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội, căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[8] Những người vay tiền theo lời khai của T: D (không rõ lai lịch), Võ Văn H1, Nam Q10 (không rõ lai lịch), Hồng hb (không rõ lai lịch), Lưu Nhật D1, Đỗ Thị Thanh T5, Trần Mộc M, Hue L1 (không rõ lai lịch) và Mai Thị Bích Đ. Những người này, không rõ lai lịch hoặc xác minh không có mặt tại địa phương. Ngày 20/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đăng tin tìm người vay tiền của Nguyễn Văn Thanh T, nhưng đến nay chưa có người vay tiền nào đến làm việc. Ngoài lời khai của bị cáo, nên chưa có cơ sở để xử lý, Cơ quan Điều tra tiếp tục truy xét, có căn cứ xử lý sau.

Đối với hành vi dùng tay đánh T1 của T, do trước đó chị A (vợ T) bị T1 xô té ngã nên T tức giận và đánh 01 cái vào mặt T1 và 05 cái vào ngực T1, không gây thương tích và T1 không có yêu cầu xử lý nên không có căn cứ xử lý hành vi này của T.

Đối với chị Nguyễn Ngọc P A biết việc T cho vay tiền lấy lãi nhưng nghĩ T cho vay lãi suất theo quy định của Nhà nước nên không có căn cứ để xử lý hình sự.

Đối với Nguyễn Thanh T3 và Mai Minh T4 được T nhờ hỗ trợ đi giải quyết nợ với T1, do T nói gia đình của T1 đông người, T3 và T4 không biết T cho vay với lãi suất như thế nào hay cho người nào vay, T3 và T4 không hứa hẹn nhận tiền công nếu T đòi được nợ. Bản thân T3 và T4 khi thấy T đánh anh T1 thì T3 và T4 đi ra ngoài không tham gia đánh anh T1 nên không có căn cứ để xử lý hình sự.

[9] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 2 Điều 201; các Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn Thanh T 01 (một) năm tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Áp dụng Khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Phạt bị cáo Nguyễn Văn Thanh T số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T2 T phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 12.830.137 (mười hai triệu, tám trăm ba mươi ngàn, một trăm ba mươi bảy) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T2 T phải trả lại cho anh Đinh Hoàng Minh T1 số tiền 198.542.466 (một trăm chín mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi hai ngàn, bốn trăm sáu mươi sáu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T2 T phải trả lại cho chị Đào Phó L số tiền 2.827.397 (hai triệu, tám trăm hai mươi bảy ngàn, ba trăm chín mươi bảy) đồng.

Buộc anh Đinh Hoàng Minh T1 phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 150.000.000 (một trăm, năm mươi triệu) đồng.

Buộc chị Đào Phó L nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A91 màu xanh, IMEI 1: 860154041816236, IMEI 2: 860154041816228, gắn sim số: 0901755145.

(Biên bản giao - nhận tang tài vật ngày 29/7/2024)

4. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn Thanh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND Quận 8;
- VKSND TP.HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THAHS CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như Hoa